

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn quy trình đấu thầu nội bộ mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế theo quy định tại Mục b Phần 2 của Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 29/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh, nâng cao năng lực, hiệu quả thi hành Luật Đấu thầu

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh, nâng cao năng lực, hiệu quả thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 quy định đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Sổ tay hướng dẫn quy trình đấu thầu nội bộ mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế theo quy định tại Mục b Phần 2 của Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 29/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh, nâng cao năng lực, hiệu quả thi hành Luật Đấu thầu. Sổ tay hướng dẫn là tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, không thay thế quy định pháp luật; trường hợp có khác biệt thì áp dụng theo quy định pháp luật.

Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Sổ tay hướng dẫn; rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung nội dung Sổ tay cho phù hợp hơn hoặc khi có thay đổi của quy định pháp luật về đấu thầu.

3. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế có trách nhiệm nghiên cứu nội dung Sổ tay hướng dẫn và các quy định của pháp luật về đấu thầu để triển khai việc mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và bảo đảm việc mua sắm tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các ông/bà: Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ; Cục trưởng các Cục và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính (Cục Quản lý Đấu thầu);
- UBND, SYT các tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, KH-TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Đức Luận

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

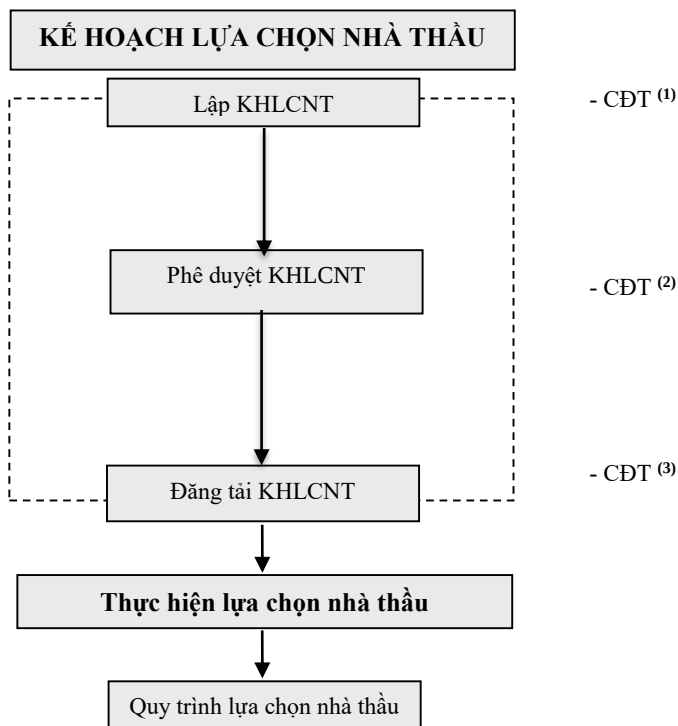
Quy trình đấu thầu nội bộ mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế theo quy định tại Mục b Phần 2 của Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 29/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh, nâng cao năng lực, hiệu quả thi hành Luật Đấu thầu
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TỪ NGŨ VIẾT TẮT

E- CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
E- BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu qua mạng
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSMST	Hồ sơ mời sơ tuyển
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu qua mạng
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
KHTTLCNT	Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu
KHLCNT	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu
DTMS	Dự toán mua sắm
DA	Dự án
CĐT	Chủ Đầu tư
TTĐ	Tổ thẩm định
TCG	Tổ chuyên gia đấu thầu
NT	Nhà thầu

PHẦN 1. KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT



(1) Lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT)

1. Nguyên tắc và căn cứ lập KHLCNT được thực hiện theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số [57/2024/QH15](#), Luật số [90/2025/QH15](#) (sau đây gọi tắt là Luật Đấu thầu), cụ thể như sau:

1.1. KHLCNT cần lập cho toàn bộ dự án (DA), dự toán mua sắm (DTMS) để việc quản lý được dễ dàng, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của DA, DTMS. Đối với DTMS, KHLCNT có thể được lập trên cơ sở DTMS của năm ngân sách và dự kiến DTMS của các năm ngân sách tiếp theo.

Tuy nhiên, trường hợp chưa đủ điều kiện thì có thể lập KHLCNT cho một hoặc một số gói thầu để thực hiện trước. Trên cơ sở sơ kỹ thuật và dự toán được duyệt, CĐT tiến hành lập KHLCNT cho các gói thầu.

1.2. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, KHLCNT phải nêu rõ thời gian thực hiện gói thầu, giá gói thầu trên cơ sở toàn bộ thời gian thực hiện gói thầu.

1.3. KHLCNT phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu.

1.4. Việc phân chia DTMS thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung DTMS; tính chất kỹ thuật của hàng hóa, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

a) Bảo đảm tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của DTMS, không được chia DTMS thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ.

b) Bảo đảm tiến độ thực hiện công việc;

c) Bảo đảm quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của công việc, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...). Không nên phân chia gói thầu với quy mô quá lớn dẫn đến làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu; ngược lại cũng không nên phân chia thành các gói thầu có giá trị nhỏ khiến cho việc triển khai thực hiện không bảo đảm tính đồng bộ, kết nối, khó khăn trong quản lý thực hiện hợp đồng....Việc chia thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu;

d) Mỗi gói thầu chỉ có một hồ sơ mời thầu (HSMT);

đ) Trước khi lập KHLCNT, cần thực hiện nghiên cứu, khảo sát thị trường nhằm đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu mua sắm, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tế và điều kiện cung ứng của thị trường. Ngoài ra cần tìm hiểu về năng lực cung cấp hàng hoá và khả năng thực hiện của các nhà thầu trên phạm vi toàn quốc và trong khu vực nơi triển khai gói thầu để phân chia gói thầu cho phù hợp. Bên

cạnh đó, cần nghiên cứu thị trường để xác định giá gói thầu một cách chính xác và hợp lý nhất.

Việc tiến hành nghiên cứu thị trường một cách đầy đủ bài bản sẽ giúp cho việc lập, phê duyệt KHLCNT phù hợp và thuận lợi.

1.5. Có thể lập trước, đồng thời, sau khi có quyết định phê duyệt dự toán

2. CĐT tổ chức lập KHLCNT¹, đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt DA, trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị DA tổ chức lập và phê duyệt KHLCNT. Đơn vị trình là đơn vị được giao lập KHLCNT.

Văn bản trình phê duyệt KHLCNT bao gồm các nội dung sau:

2.1. Mô tả tóm tắt DA, DTMS

a) Đối với DA

Phần này giới thiệu khái quát các thông tin về DA, bao gồm: Tên DA; Tổng mức đầu tư; CĐT hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị DA trong trường hợp chưa xác định được CĐT; Nguồn vốn; Thời gian thực hiện DA; Địa điểm, quy mô DA; Thông tin khác (nếu có)

Đối với KHLCNT của gói thầu thực hiện trước khi phê duyệt DA thì căn cứ trên dự toán của DA chuẩn bị đầu tư.

b) Đối với DTMS²

Phần này giới thiệu khái quát các thông tin về DTMS, bao gồm:

- Dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo niên độ ngân sách. Đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm, KHLCNT cần nêu rõ dự kiến dự toán ngân sách được cấp cho các năm kế tiếp và dự kiến nguồn tài chính hợp pháp của các năm kế tiếp năm tài chính.

- Giá trị phần công việc mua sắm đã thực hiện trong năm tài chính, năm ngân sách.

- Phần kinh phí không dùng để mua sắm

- DTMS được xác định bằng kinh phí trong dự toán ngân sách được cấp trừ giá trị phần công việc mua sắm đã thực hiện trong năm ngân sách, năm tài chính và phần kinh phí không dùng để mua sắm.

Nếu CĐT có sẵn kinh phí để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính và không dùng nguồn thu dự kiến trong năm thì không phải xác định DTMS và DTMS là khoản kinh phí có sẵn dùng để mua sắm. Nếu gói thầu có thời gian thực

¹ Theo Mẫu số 02A ban hành kèm theo Thông tư 79/2025/TT-BTC

² Theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Luật Đấu thầu

hiện hợp đồng dài hơn 01 năm hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực và ngày hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng không cùng một năm tài chính thì nêu rõ DTMS của năm ngân sách, năm tài chính và dự kiến DTMS của các năm tiếp theo.

Đối với mua sắm tập trung, DTMS được xác định bằng tổng chi phí dự kiến để thực hiện gói thầu, đơn vị có nhu cầu mua sắm tự chịu trách nhiệm bảo đảm nguồn vốn để thanh toán cho nhà thầu đối với phần khối lượng hàng hóa, dịch vụ gửi mua sắm tập trung.

Trường hợp hình thành DA đầu tư đối với DTMS và tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với DA đầu tư thì chỉ cần giới thiệu khái quát thông tin về DA mà không phải giới thiệu khái quát thông tin về DTMS. Trong trường hợp này, cần nêu rõ DA đầu tư thuộc DTMS. Thủ tục trình, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các nội dung trong đấu thầu thực hiện theo quy định như đối với DA đầu tư.

2.2. Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị DA, các gói thầu thực hiện trước với giá trị tương ứng (*gồm cả gói thầu đã được phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng chưa lựa chọn được nhà thầu, gói thầu đã lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng, gói thầu đã ký kết và đang thực hiện hợp đồng, gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đã thực hiện*) và căn cứ pháp lý để thực hiện

Ví dụ:

- Gói thầu tư vấn lập DA;
- Giá trị: 1.500.000.000 VND (*lấy theo giá hợp đồng mà CĐT đã ký với tư vấn lập DA hoặc giá trị trong biên bản nghiệm thu quyết toán hợp đồng... tùy theo giá trị nào gần nhất với thời điểm trình*);
- Căn cứ pháp lý: Ghi tên, số văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép lập DA, số quyết định trúng thầu gói thầu tư vấn lập DA, hợp đồng giữa CĐT và tư vấn lập DA.

2.3. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm: hoạt động của ban quản lý DA, các công việc do chủ đầu tư tự tiến hành bao gồm lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (nếu có); đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); các công việc khác không áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu với giá trị tương ứng. Phần này bao gồm cả các gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng dự kiến sẽ mua sắm theo quy trình quy định tại khoản 4 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu mà dự kiến hình thành gói thầu để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các hình thức: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, chỉ định thầu, tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng, lựa chọn nhà thầu theo trường

hợp đặc biệt, đặt hàng, chào giá trực tuyến, mua sắm trực tuyến thì các gói thầu này thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chủ đầu tư chưa dự kiến được gói thầu, nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng có thể phát sinh trong năm tài chính, năm ngân sách thì phần công việc này thuộc phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

2.4. Phần công việc thuộc KHLCNT phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu trong đó bao gồm các nội dung:

a) Tên chủ đầu tư

Điền tên chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị DA trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu đấu thầu trước hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt DA.

b) Tên gói thầu

Tên gói thầu cần thể hiện tính chất, nội dung, phạm vi công việc của gói thầu phù hợp với nội dung nêu trong quyết định phê duyệt DA, phù hợp với DTMS. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần riêng biệt thì tên của từng phần cần thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.

Nếu cần thiết, có thể nêu tóm tắt công việc chính của gói thầu bằng việc tóm tắt phạm vi công việc chính của gói thầu vào trong KHLCNT.

Ví dụ:

Gói thầu số 7: Gói thầu cung cấp thiết bị y tế cho Bệnh viện A

b) Giá gói thầu:

- Giá gói thầu ghi trong KHLCNT phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện hoàn thành gói thầu trong điều kiện bình thường, bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng.

- Chi phí dự phòng do chủ đầu tư xác định theo tính chất từng gói thầu nhưng không được vượt mức tối đa theo quy định của pháp luật (nếu có). Trường hợp pháp luật có quy định hàng hóa thuộc đối tượng được miễn thuế, miễn phí thì giá gói thầu không bao gồm các khoản thuế, phí được miễn. Giá gói thầu được cập nhật trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu nếu cần thiết. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì nêu rõ giá trị ước tính của từng phần.

- Căn cứ xác định giá gói thầu: Giá gói thầu được lập căn cứ theo một trong các thông tin sau³: *Dự toán gói thầu được duyệt (nếu có)*⁴; báo giá (tối thiểu 01

³ Theo quy định tại khoản 2 Điều 18 LĐT

⁴ Trường hợp chưa đủ điều kiện lập dự toán, giá gói thầu được xác định trên cơ sở một hoặc một số thông tin sau: giá trung bình theo thống kê của các DA, gói thầu đã thực hiện trong khoảng thời gian xác định; tổng mức đầu tư hoặc ước tính tổng mức đầu tư theo suất vốn đầu tư, dự kiến giá trị DTMS

báo giá; khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá; trường hợp có từ 02 báo giá, được lấy giá trung bình và được lựa chọn báo giá cao nhất)⁵; kết quả lựa chọn nhà thầu đối với hàng hóa tương tự trong thời gian tối đa 12 tháng trước ngày trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu; kết quả thẩm định giá; giá niêm yết; giá kê khai. Đối với gói thầu chia phần, giá gói thầu được lập căn cứ một hoặc một số thông tin nêu trên, trong đó mỗi phần của gói thầu có thể căn cứ vào một trong các thông tin khác nhau.

- Đối với gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm, giá gói thầu không bao gồm giá trị của tùy chọn mua thêm.

c) Nguồn vốn:

Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt. Trường hợp sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài thì phải ghi rõ tên nhà tài trợ và cơ cấu nguồn vốn, bao gồm vốn tài trợ, vốn đối ứng trong nước. Đối với DTMS, trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm, nguồn vốn có thể được xác định trên cơ sở DTMS của năm ngân sách và dự kiến DTMS của các năm ngân sách tiếp theo.

Ví dụ:

Nguồn vốn ngân sách nhà nước được giao (không bao gồm vốn đầu tư công), nguồn thu từ viện phí, nguồn vốn vay ODA...

d) Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đối với mỗi gói thầu phải xác định cụ thể một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu sau: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng, đàm phán giá, lựa chọn nhà thầu theo trường hợp đặc biệt, đặt hàng, chào giá trực tuyến, mua sắm trực tuyến.

Đối với mỗi gói thầu, cần ghi rõ lựa chọn nhà thầu trong nước hoặc quốc tế; áp dụng hoặc không áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng.

Ví dụ: Trường hợp thiết bị y tế được sản xuất tại nước ngoài nhưng có đại lý cung cấp tại Việt Nam thì có được tổ chức đấu thầu quốc tế để mua sắm thiết bị y tế đó không?

Trả lời: Trường hợp thiết bị y tế được sản xuất tại nước ngoài nhưng có đại lý cung cấp tại Việt Nam thì không được áp dụng đấu thầu quốc tế nếu không có yêu cầu của nhà tài trợ vốn cho gói thầu (áp dụng đối với gói thầu ODA).

⁵ Trên cơ sở yêu cầu chuyên môn, chủ đầu tư quyết định các tiêu chí kỹ thuật và tổ chức lấy báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; khuyến khích đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của chủ đầu tư hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Công dịch vụ công trực tuyến về quản lý thiết bị y tế; nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp có từ 02 báo giá trở lên, chủ đầu tư được lựa chọn báo giá cao nhất phù hợp với khả năng tài chính và yêu cầu chuyên môn.

đ) Phương thức lựa chọn nhà thầu: *Đối với mỗi gói thầu phải xác định cụ thể một trong các phương thức lựa chọn nhà thầu sau: Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, một giai đoạn hai túi hồ sơ. Trường hợp áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, Chủ đầu tư căn cứ mẫu hồ sơ mời thầu quy định tại Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế và mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa một giai đoạn hai túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Hệ thống) để xây dựng cho phù hợp.*

Đối với gói thầu áp dụng chỉ định thầu theo quy trình rút gọn thì không quy định phương thức lựa chọn nhà thầu

e) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Ghi tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu là số ngày tối đa tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả thời gian thẩm định (nếu có). Trường hợp cần thiết, có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thời gian thẩm định (nếu có) vào mục này.

Trường hợp gói thầu có lựa chọn danh sách ngắn thì thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu bao gồm cả thời gian lựa chọn danh sách ngắn tính từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm đến khi có kết quả lựa chọn danh sách ngắn (có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, thời gian thẩm định (nếu có)).

Đối với trường hợp xử lý tình huống theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và trường hợp hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Luật Đấu thầu, không phải điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

g) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu được tính từ khi phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, được ghi rõ theo tháng hoặc quý trong năm. Trường hợp đấu thầu rộng rãi có áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu được tính từ khi phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển.

Thông thường nội dung này nên ghi theo hướng mở

Ví dụ: Không ghi cụ thể ngày dự kiến phát hành HSMT (ví dụ: ngày 21/8/2026), nên ghi Tháng 8/2026 hoặc Quý III/2026. Khuyến khích ghi theo Quý để tăng tính linh hoạt khi triển khai.).

h) Loại hợp đồng:

Ghi loại hợp đồng thực hiện (*lựa chọn một trong các loại hợp đồng được quy định tại Điều 64 Luật Đấu thầu để thực hiện*). Lưu ý đối với gói thầu máy đặt, máy mượn chỉ áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh hoặc kết hợp hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

i) Thời gian thực hiện gói thầu:

Thời gian thực hiện gói thầu cần phù hợp với tiến độ thực hiện DA, DTMS. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì ghi cụ thể thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần.

Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, thời gian thực hiện gói thầu căn cứ theo thỏa thuận khung.

k) Tùy chọn mua thêm:

Là khả năng chủ đầu tư mua bổ sung hàng hóa của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong hợp đồng.

Trường hợp gói thầu có áp dụng tùy chọn mua thêm, KHLCNT phải ghi rõ khối lượng, số lượng, giá trị ước tính của phần tùy chọn mua thêm; Tùy chọn mua thêm được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện sau: nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi, đàm phán giá; khối lượng mua thêm không vượt 30% của khối lượng hạng mục tương ứng nêu trong hợp đồng; có dự toán được phê duyệt đối với khối lượng mua thêm; đơn giá của hàng hóa, dịch vụ mua thêm không được vượt đơn giá của các hàng hóa, dịch vụ tương ứng trong hợp đồng; chỉ áp dụng trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng. Trường hợp không áp dụng tùy chọn mua thêm thì ghi “không áp dụng”.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư phê duyệt dự toán riêng cho tùy chọn mua thêm làm căn cứ thực hiện mua thêm. Đối với gói thầu chia làm nhiều phần, mỗi phần đều được chọn áp dụng tùy chọn mua thêm không vượt quá tỷ lệ phần trăm ghi tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Dự toán cho tùy chọn mua thêm có thể phê duyệt theo từng phần hoặc phê duyệt chung cho các phần.

Đối với gói thầu máy đặt, máy mượn, khuyến nghị chủ đầu tư xem xét, áp dụng tùy chọn mua thêm.

2.5. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Giải trình cụ thể các nội dung trong phần công việc thuộc KHLCNT. Lưu ý về việc giải trình cơ sở phân chia DA, DTMS thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung DA, DTMS, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Bảo đảm tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của hàng hóa, DTMS, không được chia DA, DTMS thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất,

đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ.

+ Bảo đảm tiến độ thực hiện DA, DTMS.

+ Bảo đảm quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của công việc, DTMS năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...).

Việc chia DA, DTMS thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.

2.6. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập KHLCNT (nếu có): trường hợp tại thời điểm lập KHLCNT, DA, DTMS có những phần công việc chưa đủ điều kiện để lập KHLCNT thì cần nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này.

2.7. Tổng hợp giá trị của các phần công việc đã thực hiện, phần công việc không áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu, phần công việc thuộc KHLCNT và phần công việc chưa đủ điều kiện lập KHLCNT. Tổng giá trị của phần này không được vượt tổng mức đầu tư của DA, DTMS hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

3. Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, trình, phê duyệt đối với các nội dung có sự thay đổi, điều chỉnh. Đối với phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, khi đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì chỉ lập, trình, phê duyệt cho phần công việc này mà không phải lập, trình, phê duyệt lại cho phần công việc đã được phê duyệt trước đó. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng có thay đổi về thời gian thực hiện gói thầu so với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì không phải điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

4. Nếu gói thầu áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn. Việc áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn phải được ghi trong KHLCNT.

(2) Phê duyệt KHLCNT

Sau khi lập KHLCNT theo hướng dẫn tại Mục (1), CĐT phê duyệt KHLCNT⁶

(3) Đăng tải KHLCNT

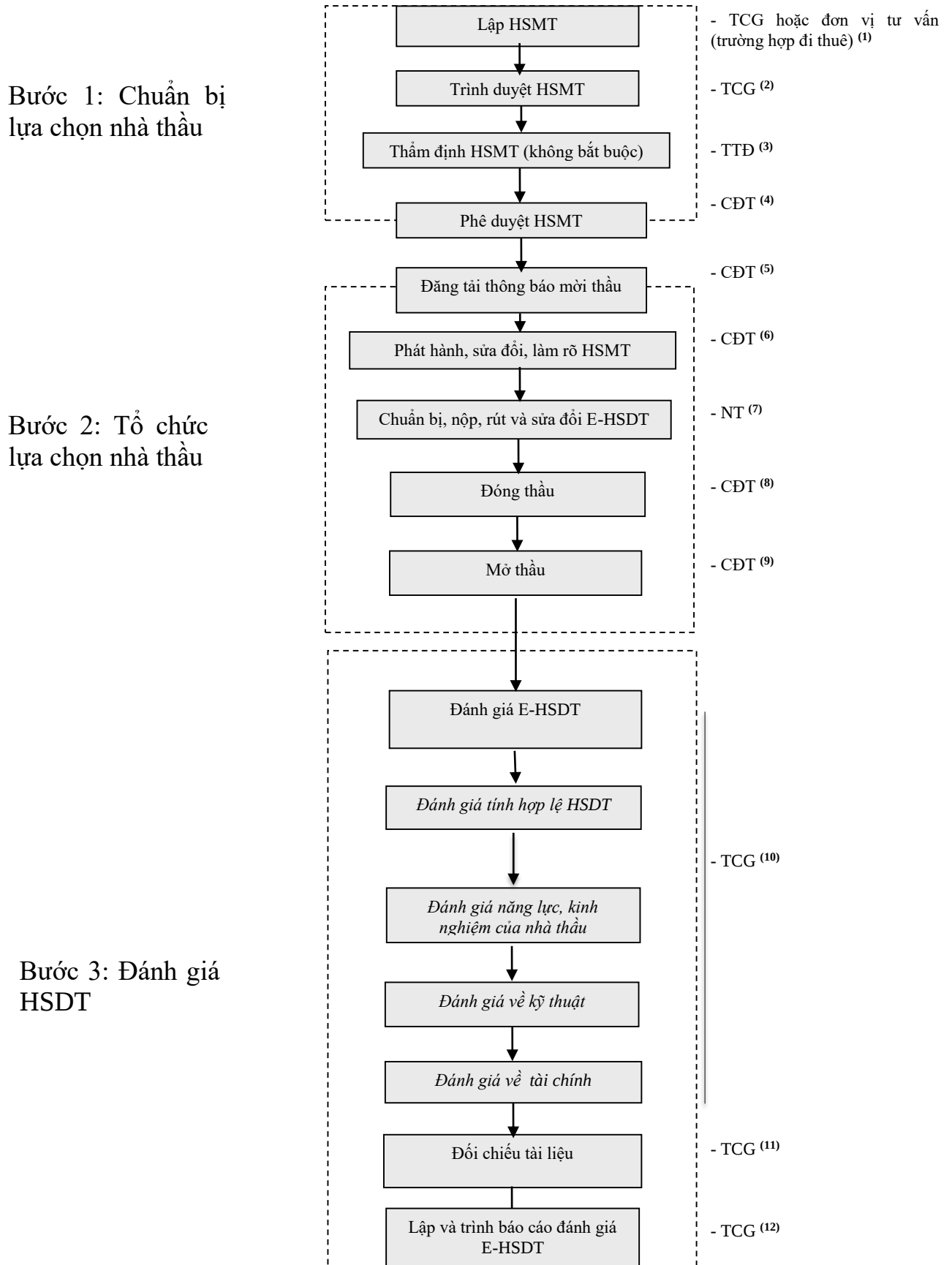
1. CĐT tự đăng tải KHLCNT được duyệt lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản phê duyệt KHLCNT được ban hành.

2. Đối với những DA, gói thầu thuộc danh mục bí mật nhà nước, việc công khai thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm bí mật nhà nước.

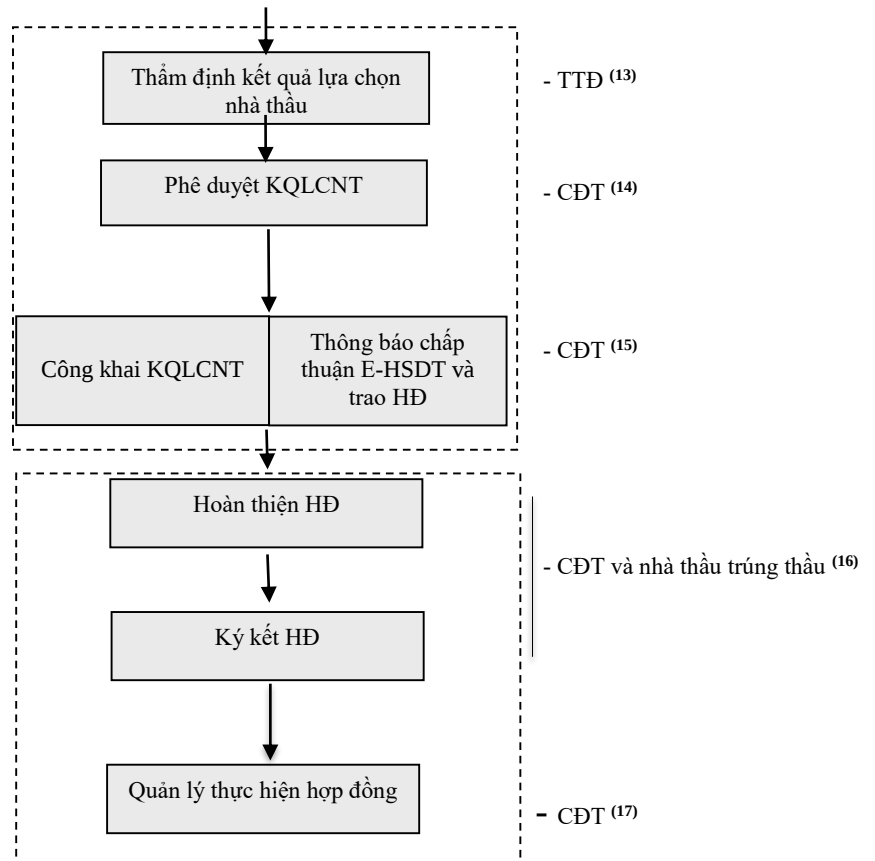
⁶ Theo Mẫu số 02B ban hành kèm theo Thông tư 79/2025/TT-BTC.

PHẦN 2. TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU ÁP DỤNG HÌNH THỨC ĐẦU THẦU RỘNG RÃI, MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT



Bước 4. Thẩm định, phê duyệt và công khai KQLCNT



Bước 5. Hoàn thiện và ký kết HĐ; Quản lý thực hiện hợp đồng

CHƯƠNG I: CHUẨN BỊ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(1) Lập HSMT

1. TCG thực hiện lập HSMT ⁷

2. Việc lập HSMT phải căn cứ vào các tài liệu sau đây:

- KHLCNT được duyệt (nếu có);
- KHLCNT được duyệt (Dự thảo hồ sơ mời thầu được lập sau khi kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt hoặc có thể được lập trong quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng phải bảo đảm được phê duyệt sau khi kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt).
- Tài liệu về thiết kế, bản vẽ, thuyết minh về gói thầu (nếu có);
- Các yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu gồm: đặc tính, thông số kỹ thuật, yêu cầu công nghệ, chất lượng dịch vụ, yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và các yêu cầu về kỹ thuật khác (nếu có);
- Các quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật liên quan; điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế (nếu có) đối với các DA sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi;
- Quy định của pháp luật về thuế, phí, ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu và các quy định khác liên quan.
- Căn cứ liên quan khác.

3. Hồ sơ mời thầu phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu lập hồ sơ dự thầu và không được nêu điều kiện dẫn đến làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Lưu ý: Trong HSMT không được nêu nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hoá; được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ. Đối với thuốc được Bộ

⁷ 3. - Đối với gói thầu mua sắm thiết bị y tế, HSMT thực hiện theo Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC để lập HSMT.

- Đối với hồ sơ mời thầu gói thầu dược liệu và gói thầu vị thuốc cổ truyền áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ: Chủ đầu tư áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT. Trường hợp áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, Chủ đầu tư căn cứ mẫu hồ sơ mời thầu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT và Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa một giai đoạn hai túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để xây dựng cho phù hợp.

- Đối với hồ sơ mời thầu gói thầu thuốc biệt dược gốc; gói thầu thuốc generic; gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp được chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền; gói thầu vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gừng, thạch đã được tiêu chuẩn hóa; gói thầu bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gừng, thạch đã được tiêu chuẩn hóa: Chủ đầu tư áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT. Trường hợp áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, Chủ đầu tư căn cứ mẫu hồ sơ mời thầu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT và Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa một giai đoạn hai túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để xây dựng cho phù hợp.

Y tế công bố có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp thì trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải quy định nhà thầu chỉ chào thầu thuốc xuất xứ trong nước

Nếu không thể mô tả chi tiết thiết bị y tế theo đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị y tế nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với thiết bị y tế đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có)

5. Các nội dung cụ thể của HSMT:

5.1. Chỉ dẫn nhà thầu (Phần I Chương I):⁸

5.2. Bảng dữ liệu đấu thầu (Phần I Chương II):⁹

5.3. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT (Phần I Chương III):

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu để thực hiện gói thầu. Cụ thể như sau:

a) Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT:¹⁰

b) Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm:¹¹

Lưu ý: Đối với yêu cầu nguồn lực tài chính cho gói thầu: thông thường chỉ đưa yêu cầu này đối với những hàng hoá đặc thù, phức tạp, quy mô lớn, có thời gian sản xuất, chế tạo dài. Trường hợp đưa ra yêu cầu này, nếu trong HSDX nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại Mục này trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu và không phải nộp các tài liệu khác chứng minh khả năng tài chính để thực hiện gói thầu;

Đối với yêu cầu về khả năng cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì, cung cấp

⁸ Khi lập HSMT, TCG phải áp dụng toàn bộ nội dung hướng dẫn tại Phần I Chương I Mẫu số 04A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT mà không được chỉnh sửa các nội dung nêu tại Chương này.

⁹ Khi lập HSMT, căn cứ vào quy mô, tính chất gói thầu, TCG nêu cụ thể đối với các nội dung nêu tại Phần I Chương I (cụ thể hóa Chương I).

¹⁰ Lập theo Mục 1 Phần I Chương III Mẫu số 04A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

¹¹ Lập theo Mục 2 Phần I Chương III Mẫu số 04A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT

phụ tùng hoặc các dịch vụ sau bán hàng khác: Chỉ yêu cầu nội dung này đối với hàng hóa phức tạp cần gắn với trách nhiệm thực hiện dịch vụ sau bán hàng của chính nhà cung cấp. Đối với các hàng hóa thông thường thì chỉ cần yêu cầu cung cấp phiếu bảo hành hợp lệ.

Khi lập HSMT cần căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu để đưa ra những yêu cầu cho phù hợp, tránh việc đưa ra yêu cầu cao, không cần thiết dẫn đến làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

c) Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật¹²

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập HSMT, TCG phải xây dựng các tiêu chuẩn tổng quát trên cơ sở các tiêu chí sau làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật

Lưu ý: Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

d) Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính¹³

Nếu áp dụng phương pháp giá đánh giá, căn cứ theo quy mô, tính chất gói thầu, tùy theo từng ngành, lĩnh vực mà khi lập HSMT mà CĐT chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn các yếu tố chi phí để quy đổi về một mặt bằng cho phù hợp, đảm bảo tính khoa học, hợp lý của công thức tính toán và giải trình được việc quy đổi các yếu tố liên quan đó ra thành tiền để xác định giá đánh giá trong HSMT. Không được tùy tiện đưa ra các điều kiện gây bất lợi cho nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Ví dụ: HSMT gói thầu mua sắm thiết bị y tế đưa ra công thức xác định giá đánh giá căn cứ vào xuất xứ của hàng hóa, cụ thể là quy định hàng hoá xuất từ những nước G7 thì có hệ số 1, xuất xứ từ những nước còn lại có hệ số 1,5 có phù hợp không?

¹² Lập theo Mục 3 Phần I Chương III Mẫu số 04A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

¹³ Lập theo Mục 4 Phần I Chương III Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

Trả lời: Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, CĐT chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn các yếu tố đưa chi phí về một mặt bằng cho phù hợp cũng như phải bảo đảm tính khoa học, hợp lý trong việc quy định công thức tính toán, quy đổi các yếu tố liên quan đến việc thực hiện gói thầu thành tiền để xác định giá đánh giá trong HSMT. Do đó, trường hợp trong HSMT, CĐT đưa ra công thức xác định giá đánh giá căn cứ vào xuất xứ của hàng hóa tương ứng với một hệ số thì cần phải đưa ra cách giải thích lý do vì sao áp dụng công thức đó, tức là công thức đưa ra phải khoa học, khách quan, tránh gây bất lợi cho các nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

5.4. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu (Phần I Chương IV):

- Chương này bao gồm các biểu mẫu mà CĐT và NT sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.
- Khi lập HSMT, TCG cần lưu ý điền đầy đủ các thông tin như tên, địa chỉ CĐT;
- TCG lưu ý điền đầy đủ các nội dung về danh mục hàng hoá, đơn vị tính, khối lượng mời thầu trong các Bảng giá dự thầu của hàng hoá (bao gồm hàng hoá được sản xuất, gia công ngoài nước và hàng hoá được sản xuất, gia công trong nước).
- Trường hợp hàng hoá có dịch vụ liên quan kèm theo thì TCG phải điền nội dung mô tả dịch vụ, khối lượng mời thầu, đơn vị tính, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành dịch vụ trong bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan.

5.5 Yêu cầu về kỹ thuật (Phần II Chương V)

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ

5.6 Điều kiện chung của hợp đồng và thoả thuận khung (Phần 3A Chương VI và Phần 3B Chương VI)

Chương này gồm các điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng và thoả thuận khung của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định ở Chương này.

5.7 Điều kiện cụ thể của hợp đồng và thoả thuận khung (Chương VII)¹⁴

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng, thoả thuận khung. Điều kiện cụ thể của hợp đồng, thoả thuận khung nhằm sửa đổi, bổ sung nhưng không được thay thế điều kiện chung của hợp đồng, thoả thuận khung.

5.8 Biểu mẫu hợp đồng (Phần 4)

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng

Sau khi hoàn thành xong dự thảo HSMT, TCG lập Tờ trình đề nghị phê duyệt HSMT¹⁵

(2) Trình phê duyệt HSMT

1. Chủ đầu tư không bắt buộc phải thẩm định hồ sơ mời thầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện trước khi phê duyệt. Hồ sơ trình thẩm định bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1 Tờ trình đề nghị phê duyệt HSMT của TCG¹⁶

1.2 Dự thảo HSMT;

1.3 Quyết định phê duyệt DA, dự toán (nếu có), quyết định phê duyệt KHLCNT;

1.4 Tài liệu khác có liên quan.

2. Trường hợp có chỉnh sửa các nội dung (trừ Chương I và Chương VI) theo Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT, trong tờ trình đề nghị phê duyệt HSMT, TCG phải nêu rõ đã chỉnh sửa những nội dung nào, lý do chỉnh sửa. CĐT chỉ được chấp thuận các chỉnh sửa đó nếu việc chỉnh sửa là phù hợp hơn, khoa học hơn, chặt chẽ hơn so với quy định nêu trong Mẫu HSMT và không trái

¹⁴ Mẫu thoả thuận khung điện tử thực hiện theo mẫu tại Chương VIII của mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

¹⁵ theo mẫu tại Phụ lục 1A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC

¹⁶ Theo mẫu tại Phụ lục 1A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC

với quy định của pháp luật về đấu thầu.

(3) Thẩm định HSMT (không bắt buộc)

1. TTĐ tiến hành kiểm tra, đánh giá và đưa ra ý kiến nhận xét đối với các nội dung sau:

1.1 Kiểm tra các tài liệu là căn cứ để lập HSMT;

1.2 Kiểm tra sự phù hợp về nội dung của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu so với quy mô, mục tiêu, phạm vi công việc, thời gian thực hiện của DA, DTMS, gói thầu; so với hồ sơ thiết kế, dự toán của gói thầu, yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có); so với biên bản trao đổi giữa chủ đầu tư với các nhà thầu tham dự thầu trong giai đoạn một (đối với gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn); so với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

1.3 Nội dung chỉnh sửa trong dự thảo HSMT so với hướng dẫn trong Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT (nếu có) có phù hợp, khoa học, chặt chẽ hơn so với hướng dẫn nêu trong Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT hoặc có trái với quy định của pháp luật về đấu thầu hay không.

1.4 Xem xét về những ý kiến khác nhau (nếu có) giữa tổ chức, cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu.

1.5 Nội dung khác nếu có.

2. Cá nhân tham gia thẩm định HSMT phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định; cá nhân tham gia thẩm định HSMT phải cam kết bảo đảm thực hiện việc thẩm định trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên và chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 81 Luật đấu thầu.

3. Lập báo cáo thẩm định¹⁷

4. Trước khi ký báo cáo thẩm định, TTĐ có thể tổ chức họp giữa các bên để giải quyết các vấn đề còn tồn tại nếu thấy cần thiết.

(4) Phê duyệt HSMT

1. CĐT chịu trách nhiệm phê duyệt HSMT. Việc phê duyệt HSMT phải bằng văn bản và căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định HSMT (nếu có)

2. Trường hợp HSMT chưa đủ điều kiện để phê duyệt như: không đầy đủ nội dung theo hướng dẫn tại Mẫu số 3A ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC, tiêu chuẩn đánh giá không phù hợp với quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu dẫn đến làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu, các nội dung chỉnh sửa HSMT không phù hợp, khoa học, chặt chẽ hơn so với hướng dẫn nêu

¹⁷ Báo cáo thẩm định lập theo Mẫu số 3A ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC

trong Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC thì CĐT yêu cầu TCG chỉnh sửa, hoàn thiện HSMT trước khi phê duyệt.

3. Quyết định phê duyệt HSMT¹⁸

CHƯƠNG II. TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(5) Đăng tải thông báo mời thầu

1. Thông báo mời thầu được áp dụng đối với trường hợp không tiến hành thủ tục lựa chọn danh sách ngắn; Nếu đã tiến hành lựa chọn danh sách ngắn, CĐT gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn.

2. Sau khi HSMT được phê duyệt, CĐT đăng tải thông báo mời thầu trên Hệ thống theo tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu và phù hợp với thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.

Lưu ý: Trường hợp thuê tư vấn thay mình làm TCG hoặc thực hiện một số công việc thuộc trách nhiệm của TCG thì khi lập thông báo mời thầu phải sử dụng địa chỉ, tên, số điện thoại của giám đốc ban quản lý DA hoặc đại diện có thẩm quyền của CĐT nơi triển khai thực hiện gói thầu. Không được sử dụng địa chỉ của TCG được thuê (đặc biệt là địa chỉ bán HSMT khác so với địa chỉ của ban quản lý DA, CĐT hoặc cơ quan mua sắm...). CĐT, TCG, cơ quan mua sắm nào cố tình không thực hiện đúng hướng dẫn này nhằm hạn chế cạnh tranh, hạn chế sự tiếp cận của các nhà thầu trong việc mua HSMT sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

(6) Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT

a) Hồ sơ mời thầu được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Nếu sửa đổi HSMT sau khi phát hành, CĐT phải đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo HSMT sửa đổi và các nội dung sửa đổi HSMT trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nếu không bảo đảm đủ thời gian thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

c) Nếu cần làm rõ hồ sơ mời thầu, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước), 05 ngày làm việc (đối với đấu thầu quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Chủ đầu tư đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời gian tối thiểu 02

¹⁸ Lập theo mẫu tại Phụ lục 1B ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC.

ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trong văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu không được nêu tên của nhà thầu có đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về nội dung hồ sơ mời thầu. Thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải lập biên bản ghi nhận các nội dung trong hội nghị tiền đấu thầu và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì TCG phải tiến hành sửa đổi và trình CĐT thẩm định (nếu có), phê duyệt nội dung HSMT sửa đổi hoặc thẩm định (nếu có), phê duyệt lại HSMT.

d) Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu là một phần của hồ sơ mời thầu.

(7) Chuẩn bị, nộp, rút và sửa đổi E-HSDT

1. Nhà thầu chuẩn bị và nộp E-HSDT theo yêu cầu của E-TBMT.

2. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.

3. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.

4. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá là không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.

5. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.

(8) Đóng thầu

1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT. Đến thời điểm đóng thầu nêu trong E-TBMT, Hệ thống ngừng việc tiếp nhận E-HSDT

2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.

(9) Mở thầu

1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT;
- Tên gói thầu;
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;
- Thời điểm hoàn thành mở thầu;
- Tổng số nhà thầu tham dự.

b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:

- Tên nhà thầu;
- Giá dự thầu;
- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);
- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá);
- Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu;
- Thời gian có hiệu lực của E-HSDT;

- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin liên quan khác (nếu có).

c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b mục này.

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HSDT

(10) Đánh giá E-HSDT

1. TCG áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL của E-HSMT để đánh giá E-HSDT.

2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại khoản 1 mục này, TCG chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 mục này cho phù hợp để đánh giá E-HSDT.

3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “giá đánh giá” và “giá thấp nhất”):

a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III của E-HSMT.

- Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung:

+ Tư cách hợp lệ của nhà thầu;

+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.

- Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu.

- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III của E-HSMT

- Hệ thống tự động đánh giá các nội dung: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính,

doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT.

Lưu ý là đối với gói thầu mua sắm thuốc hiện nay Hệ thống chưa tự động đánh giá được các nội dung nêu trên.

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa: Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên webform và tài liệu đính kèm để đánh giá.

- Đối với nội dung về nhân sự chủ chốt, tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III của E-HSMT. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III của E-HSMT và thực hiện theo quy định tại E-BDL;

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, danh sách xếp hạng nhà thầu theo thứ tự từ thấp đến cao giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) tính trên mỗi đơn vị hạng mục hàng hóa mà nhà thầu dự thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, các nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu là tổ hợp các nhà thầu xếp hạng từ thấp đến cao đảm bảo tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu chào thầu không thấp hơn số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT.

4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất”, các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu trở lên

cùng xếp thứ nhất).

a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Tổ chuyên gia tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất.

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.

đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:

a) Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

Lưu ý là đối với gói thầu mua sắm thuốc hiện nay Hệ thống chưa tự động đánh giá được các nội dung nêu trên.

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai trên webform và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự trên webform, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cập nhật từ hồ

sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự chủ chốt khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

đ) Đối với xuất xứ của hàng hóa, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT;

e) Đối với các nội dung ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;

g) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin trong biểu mẫu về ưu đãi hàng hóa sản xuất trong nước để làm cơ sở tính toán ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi;

h) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, kết quả hoạt động tài chính đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì

tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, kết quả hoạt động tài chính từ năm 2021 trở đi, chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử

(11) Đối chiếu tài liệu

1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:

a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;

b) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;

c) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;

d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất);

đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;

e) Tài liệu khác (nếu có).

Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, các nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu là tổ hợp các nhà thầu xếp hạng từ thấp đến cao đảm bảo tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu chào thầu không

thấp hơn số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT.

2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.

3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Lưu ý: Đối với hàng hóa thông thường, thông dụng, sẵn có trên thị trường, đã được tiêu chuẩn hóa và được bảo hành theo quy định của nhà sản xuất thì không yêu cầu nhà thầu phải nộp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.

Đối với hàng hóa đặc thù, phức tạp cần sự khẳng định của nhà sản xuất, nhà cung cấp để đảm bảo tính khả thi trong việc cung cấp hàng hóa khi nhà thầu trúng thầu và cần gắn với trách nhiệm của nhà sản xuất trong việc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng như lắp đặt, bảo trì, đào tạo và các dịch vụ liên quan khác, trong E-HSMT có thể yêu cầu nhà thầu tham dự thầu phải cung cấp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.

Trường hợp có yêu cầu về giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, Chủ đầu tư quy định nội dung sau: “Trường hợp nhà thầu không tự sản xuất hoặc chế tạo hàng hóa được chào trong E-HSDT của mình thì nhà thầu phải nộp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương nhằm chứng minh nhà thầu được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất, đại lý phân phối để cung cấp hàng hóa đó ở Việt Nam. Nhà thầu có thể đính kèm hoặc không đính kèm tài liệu này trong E-HSDT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có tài liệu này. Việc nhà thầu không đính kèm tài liệu nêu trên không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. Nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá để được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình được tài liệu nêu trên trước khi ký hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp. Trường hợp nhà thầu

không xuất trình được giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương để ký hợp đồng thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.

Trường hợp nhà thầu đã được xét duyệt trúng thầu nhưng nhà sản xuất, đại lý, nhà phân phối không cung cấp Giấy phép bán hàng mà không có lý do chính đáng và nếu nhà thầu vẫn chứng minh được khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác thì vẫn được ký hợp đồng mà không cần xuất trình Giấy phép bán hàng.

(12) Lập báo cáo đánh giá E-HSDT

TCG lập báo cáo đánh giá HSDT¹⁹ trong đó có các nội dung cơ bản như sau:

- a) Kết quả đánh giá đối với từng hồ sơ dự thầu;
- b) Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng;
- c) Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại, lý do loại nhà thầu;
- d) Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý;
- đ) Những nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); đề xuất biện pháp xử lý.
- e) Đề xuất chủ đầu tư thực hiện thương thảo hợp đồng (nếu có) với nhà thầu xếp hạng thứ nhất. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng, chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất thương thảo hợp đồng theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

CHƯƠNG IV. THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG KHAI KQLCNT

(13) Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, tổ thẩm định thực hiện thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được chủ đầu tư phê duyệt.
2. Hồ sơ trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm:

¹⁹ Theo Mẫu số 2A ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC

- Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có).
- Biên bản đối chiếu tài liệu (nếu có).

- Bản chụp các hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, biên bản mở thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của các nhà thầu và các tài liệu khác có liên quan; trường hợp đã tiến hành thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì chỉ gửi biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính và bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính của các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

2. TTĐ tiến hành kiểm tra, đánh giá và đưa ra ý kiến nhận xét đối với các nội dung sau:

- Kiểm tra các tài liệu là căn cứ của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu.
- Kiểm tra việc tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu.
- Kiểm tra việc đánh giá hồ sơ dự thầu; việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có); kiểm tra sự phù hợp giữa kết quả thương thảo hợp đồng so với kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có), danh sách xếp hạng nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu
- Xem xét về những ý kiến khác nhau (nếu có) giữa các cá nhân trong tổ chuyên gia.

- Các nội dung liên quan khác.

4. Lập báo cáo thẩm định.²⁰

5. Trước khi ký báo cáo thẩm định, TTĐ có thể tổ chức họp giữa các bên để giải quyết các vấn đề còn tồn tại nếu thấy cần thiết.

(14) Phê duyệt KQLCNT

1. Căn cứ báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Văn bản phê duyệt KQLCNT bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- a) Tên nhà thầu trúng thầu;
- b) Giá trúng thầu;
- c) Loại hợp đồng;
- d) Thời gian thực hiện gói thầu (*được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực*

²⁰ Báo cáo thẩm định lập theo Mẫu số 3C ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC.

đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có), dịch vụ phi tư vấn, tư vấn. Thời gian thực hiện gói thầu được tính theo số ngày, số tuần, số tháng hoặc số năm, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, thời gian giám sát tác giả đối với gói thầu tư vấn (nếu có)); thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định pháp luật về dân sự;

đ) Các nội dung cần lưu ý (nếu có);

3. Nếu hủy thầu theo quy định, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu. Quyết định hủy thầu phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

(15) Công khai KQLCNT và thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng

1. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm:

a) Tên nhà thầu trúng thầu;

b) Giá trúng thầu;

c) Loại hợp đồng;

d) Thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng.

đ) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

e) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

2. Trường hợp có yêu cầu giải thích về lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị tới chủ đầu tư hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.

CHƯƠNG V. HOÀN THIỆN, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

(16) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng

1. Chủ đầu tư mời nhà thầu trúng thầu đến hoàn thiện hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có). Việc hoàn thiện hợp đồng được thực hiện trên cơ sở:

- a) Mẫu hợp đồng đã điền đủ các thông tin cụ thể của gói thầu²¹;
- b) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt;
- c) Các yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu;
- d) Các nội dung nêu trong hồ sơ dự thầu và giải thích làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- đ) Các nội dung cần được hoàn thiện trong hợp đồng;

2. Trong bước này, các bên cần rà soát lại phạm vi gói thầu cũng như những nội dung còn có sự khác biệt (nếu có) giữa yêu cầu trong HSMT và đề xuất của nhà thầu trong HSDT để thống nhất, bảo đảm việc thực hiện hợp đồng được thuận lợi.

3. Kết quả hoàn thiện hợp đồng là cơ sở để chủ đầu tư và nhà thầu tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp nhà thầu tự nguyện giảm giá thì giá hợp đồng là giá trị sau giảm giá.

4. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký hợp đồng thì không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu.

5. Nhà thầu được quyền từ chối hoàn thiện hợp đồng, không bị đánh giá về uy tín theo quy định và được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu (nếu có) trong trường hợp chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu khi hoàn thiện hợp đồng không phù hợp với nội dung của hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

6. Chủ đầu tư hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm trong mua sắm tập trung có trách nhiệm cung cấp thông tin chủ yếu của hợp đồng chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật Đấu thầu. Đối với mua sắm tập trung, đơn vị mua sắm tập trung công khai thông tin chủ yếu của thỏa thuận khung trên Hệ thống chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực, bao gồm các thông tin: số hiệu thỏa thuận khung, đơn vị mua sắm tập trung, giá trị thỏa thuận khung, loại hợp đồng, thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận khung, phạm vi công việc của thỏa thuận khung, các thông tin khác (nếu có).

(17) Quản lý thực hiện hợp đồng

1. Quản lý thực hiện hợp đồng bao gồm các nội dung: tiến độ thực hiện, chất lượng, chi phí và các nội dung khác của hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý việc thực hiện hợp đồng.

2. Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu

²¹ Theo mẫu tại phần 4 Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC

quốc gia.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm công khai về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với gói thầu có nội dung cung cấp hàng hóa; Đối với gói thầu thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và vật tư, linh kiện để sửa chữa thiết bị y tế (theo quy định của pháp luật về dược, thiết bị y tế), chủ đầu tư còn phải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp.

Thời gian công khai là sau thời gian thực hiện gói thầu nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện gói thầu. Trường hợp thời gian bảo hành dài hơn 06 tháng, chủ đầu tư hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm trong mua sắm tập trung còn phải cập nhật thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng sau khi hoàn thành nghĩa vụ bảo hành (nếu có).

Trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ ngày chủ đầu tư hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm trong mua sắm tập trung đăng tải thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng, nhà thầu gửi phản hồi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp nhà thầu phản ánh đúng, chủ đầu tư hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm trong mua sắm tập trung có trách nhiệm cập nhật lại thông tin.

PHẦN 3. TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU ÁP DỤNG HÌNH THỨC CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

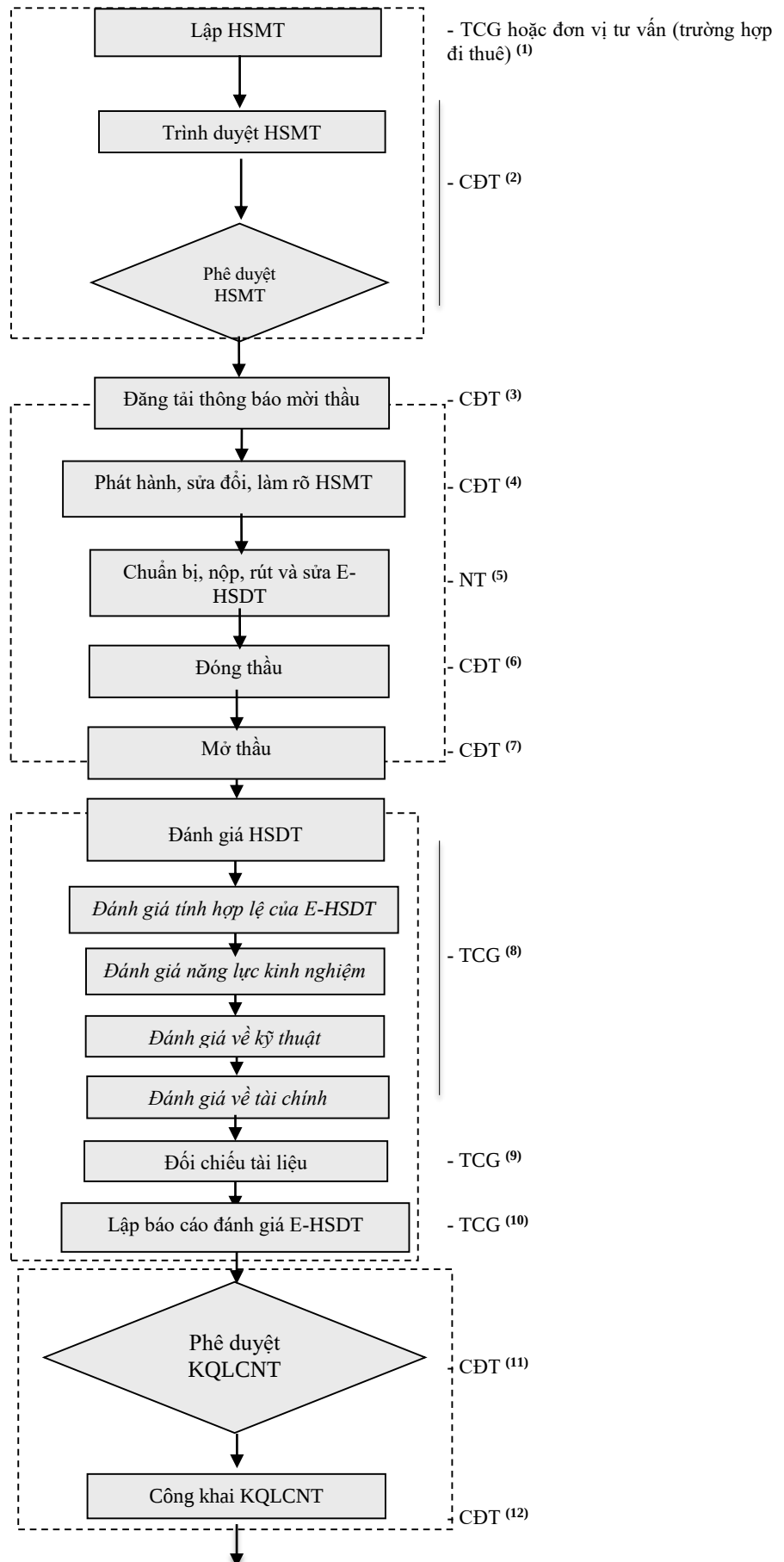
SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT

Bước 1: Chuẩn bị
lựa chọn nhà thầu

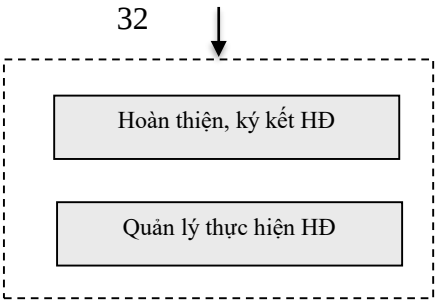
Bước 2: Tổ chức
lựa chọn nhà thầu

Bước 3: Đánh giá
HSDT

Bước 4: Phê duyệt kết
quả và công khai
KQLCNT



Bước 5: Hoàn thiện,
ký kết hợp đồng và
quản lý thực hiện hợp
đồng



- CĐT và nhà thầu trúng thầu ⁽¹³⁾
- CĐT và NT ⁽¹⁴⁾

CHƯƠNG I. CHUẨN BỊ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(1) Lập HSMT

1. TCG thực hiện lập HSMT ²²

2. Việc lập HSMT phải căn cứ vào các tài liệu sau đây:

- KHTTLCNT được duyệt (nếu có);

- KHLCNT được duyệt (Dự thảo hồ sơ mời thầu được lập sau khi kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt hoặc có thể được lập trong quá trình lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng phải bảo đảm được phê duyệt sau khi kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt).

- Tài liệu về thiết kế, bản vẽ, thuyết minh về gói thầu (nếu có);

- Các yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu gồm: đặc tính, thông số kỹ thuật, yêu cầu công nghệ, chất lượng dịch vụ, yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu và các yêu cầu về kỹ thuật khác (nếu có);

- Các quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật liên quan; điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế (nếu có) đối với các DA sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi;

- Quy định của pháp luật về thuế, phí, ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu và các quy định khác liên quan.

- Căn cứ liên quan khác.

4. Hồ sơ mời thầu phải bao gồm đầy đủ các nội dung cần thiết để nhà thầu lập hồ sơ dự thầu và không được nêu điều kiện dẫn đến làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

²²- Đối với gói thầu mua sắm thiết bị y tế, HSMT thực hiện theo Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC để lập HSMT.

- Đối với hồ sơ mời thầu gói thầu dược liệu và gói thầu vị thuốc cổ truyền áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ: Chủ đầu tư áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT. Trường hợp áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, Chủ đầu tư căn cứ mẫu hồ sơ mời thầu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT và Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa một giai đoạn hai túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để xây dựng cho phù hợp.

- Đối với hồ sơ mời thầu gói thầu thuốc biệt dược gốc; gói thầu thuốc generic; gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có kết hợp được chất với các dược liệu, thuốc cổ truyền; gói thầu vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa; gói thầu bán thành phẩm dược liệu có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa: Chủ đầu tư áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT. Trường hợp áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, Chủ đầu tư căn cứ mẫu hồ sơ mời thầu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT và Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa một giai đoạn hai túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để xây dựng cho phù hợp.

- Đối với hồ sơ mời thầu của gói thầu mua thuốc, dược liệu và vị thuốc cổ truyền theo hình thức chào hàng cạnh tranh: Chủ đầu tư sử dụng mẫu hồ sơ mời thầu quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT và các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 81 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP để xây dựng cho phù hợp.

Lưu ý: Trong HSMT không được nêu nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hoá; được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ. Đối với thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất đáp ứng về tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá thì chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu chào thuốc xuất xứ trong nước đối với mặt hàng này.

Nếu không thể mô tả chi tiết thiết bị y tế theo đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của thiết bị y tế nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với thiết bị y tế đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có)

5. Các nội dung cụ thể của HSMT:

5.1. Chỉ dẫn nhà thầu (Phần I Chương I)²³

5.2. Bảng dữ liệu đấu thầu (Phần I Chương II)²⁴

5.3. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT (Phần I Chương III)

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu để thực hiện gói thầu. Cụ thể như sau:

a) Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT²⁵

b) Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm²⁶

Khi lập HSMT cần căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu để đưa ra những yêu cầu cho phù hợp, tránh việc đưa ra yêu cầu cao, không cần thiết dẫn đến làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

²³ Khi lập HSMT, TCG phải áp dụng toàn bộ nội dung hướng dẫn tại Phần I Chương I Mẫu số 04A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT mà không được chỉnh sửa các nội dung nêu tại Chương này.

²⁴ Khi lập HSMT, căn cứ vào quy mô, tính chất gói thầu, TCG nêu cụ thể đối với các nội dung nêu tại Phần I Chương I (cụ thể hóa Chương I).

²⁵ Lập theo Mục 1 Phần I Chương III Mẫu số 04A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

²⁶ Lập theo Mục 2 Phần I Chương III Mẫu số 04A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT

c) Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật²⁷

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập HSMT, TCG phải xây dựng các tiêu chuẩn tổng quát trên cơ sở các tiêu chí sau làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật

d) Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính²⁸

Nếu áp dụng phương pháp giá đánh giá, căn cứ theo quy mô, tính chất gói thầu, tùy theo từng ngành, lĩnh vực mà khi lập HSMT mà CĐT chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn các yếu tố chi phí để quy đổi về một mặt bằng cho phù hợp, đảm bảo tính khoa học, hợp lý của công thức tính toán và giải trình được việc quy đổi các yếu tố liên quan đó ra thành tiền để xác định giá đánh giá trong HSMT. Không được tùy tiện đưa ra các điều kiện gây bất lợi cho nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Ví dụ: HSMT gói thầu mua sắm thiết bị y tế đưa ra công thức xác định giá đánh giá căn cứ vào xuất xứ của hàng hóa, cụ thể là quy định hàng hoá xuất từ những nước G7 thì có hệ số 1, xuất xứ từ những nước còn lại có hệ số 1,5 có phù hợp không?

Trả lời: Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, CĐT chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn các yếu tố đưa chi phí về một mặt bằng cho phù hợp cũng như phải bảo đảm tính khoa học, hợp lý trong việc quy định công thức tính toán, quy đổi các yếu tố liên quan đến việc thực hiện gói thầu thành tiền để xác định giá đánh giá trong HSMT. Do đó, trường hợp trong HSMT CĐT đưa ra công thức xác định giá đánh giá căn cứ vào xuất xứ của hàng hóa tương ứng với một hệ số thì cần phải đưa ra cách giải thích lý do vì sao áp dụng công thức đó, tức là công thức đưa ra phải khoa học, khách quan, tránh gây bất lợi cho các nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

5.4. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu (Phần I Chương IV):

- Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSMT.
- Khi lập HSMT, TCG cần lưu ý điền đầy đủ các thông tin như tên, địa chỉ CĐT;
- TCG lưu ý điền đầy đủ các nội dung về danh mục hàng hoá, đơn vị tính, khối lượng mời thầu trong các Bảng giá dự thầu của hàng hoá (bao gồm hàng hoá được

²⁷ Lập theo Mục 3 Phần I Chương III Mẫu số 04A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

²⁸ Lập theo Mục 4 Phần I Chương III Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

sản xuất, gia công ngoài nước và hàng hoá được sản xuất, gia công trong nước).

- Trường hợp hàng hoá có dịch vụ liên quan kèm theo thì TCG phải điền nội dung mô tả dịch vụ, khối lượng mời thầu, đơn vị tính, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành dịch vụ trong bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan.

5.5 Yêu cầu về kỹ thuật (Phần II Chương V)

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

5.6 Điều kiện chung của hợp đồng và thoả thuận khung (Phần 3A Chương VI và Phần 3B Chương VI)

Chương này gồm các điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng và thoả thuận khung của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định ở Chương này.

5.7 Điều kiện cụ thể của hợp đồng và thoả thuận khung (Chương VII)²⁹

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng, thoả thuận khung. Điều kiện cụ thể của hợp đồng, thoả thuận khung nhằm sửa đổi, bổ sung nhưng không được thay thế điều kiện chung của hợp đồng, thoả thuận khung.

5.8 Biểu mẫu hợp đồng (Phần 4)

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau

²⁹ Mẫu thoả thuận khung điện tử thực hiện theo mẫu tại Chương VIII của mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

khi được trao hợp đồng.

Sau khi hoàn thành xong dự thảo HSMT, TCG lập Tờ trình đề nghị lập HSMT³⁰

(2) Trình duyệt HSMT

1. CĐT chịu trách nhiệm phê duyệt HSMT. Việc phê duyệt HSMT phải bằng văn bản và căn cứ vào tờ trình phê duyệt, không phải thẩm định hồ sơ mời thầu.

2. Tờ trình đề nghị phê duyệt HSMT của TCG³¹

3. Trường hợp HSMT chưa đủ điều kiện để phê duyệt như: không đầy đủ nội dung theo hướng dẫn tại Phụ lục 1A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC, tiêu chuẩn đánh giá không phù hợp với quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu dẫn đến làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu, các nội dung chỉnh sửa HSMT không phù hợp, khoa học, chặt chẽ hơn so với hướng dẫn nêu trong Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC.... thì CĐT yêu cầu TCG chỉnh sửa, hoàn thiện HSMT trước khi phê duyệt.

4. Quyết định phê duyệt HSMT³²

CHƯƠNG II. TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(3) Đăng tải thông báo mời thầu

1. Sau khi HSMT được phê duyệt, CĐT đăng tải thông báo mời thầu trên Hệ thống theo tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu và phù hợp với thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.

Lưu ý: Trường hợp thuê tư vấn thay mình làm TCG hoặc thực hiện một số công việc thuộc trách nhiệm của TCG thì khi lập thông báo mời thầu phải sử dụng địa chỉ, tên, số điện thoại của giám đốc ban quản lý DA hoặc đại diện có thẩm quyền của CĐT nơi triển khai thực hiện gói thầu. Không được sử dụng địa chỉ của TCG được thuê (đặc biệt là địa chỉ bán HSMT khác so với địa chỉ của ban quản lý DA, CĐT hoặc cơ quan mua sắm...). CĐT, TCG, cơ quan mua sắm nào có tình không thực hiện đúng hướng dẫn này nhằm hạn chế cạnh tranh, hạn chế sự tiếp cận của các nhà thầu trong việc mua HSMT sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

³⁰ Theo mẫu tại Phụ lục 1A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC

³¹ Theo mẫu tại Phụ lục 1A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC

³² Theo mẫu tại Phụ lục 1B ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC.

(4) Phát hành, sửa đổi, làm rõ HSMT

a) Hồ sơ mời thầu được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Nếu sửa đổi HSMT sau khi phát hành, CĐT phải đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo HSMT sửa đổi và các nội dung sửa đổi HSMT trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nếu không bảo đảm đủ thời gian thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

c) Nếu cần làm rõ hồ sơ mời thầu, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc (đối với đấu thầu trong nước), 05 ngày làm việc (đối với đấu thầu quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Chủ đầu tư đăng tải văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trong văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu không được nêu tên của nhà thầu có đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về nội dung hồ sơ mời thầu. Thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải lập biên bản ghi nhận các nội dung trong hội nghị tiền đấu thầu và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu được coi là văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu.

Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ HSMT dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì TCG phải tiến hành sửa đổi và trình CĐT thẩm định (nếu cần), phê duyệt nội dung HSMT sửa đổi hoặc thẩm định, phê duyệt lại HSMT.

d) Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu là một phần của hồ sơ mời thầu.

(5) Chuẩn bị, nộp, rút và sửa đổi E-HSDT

1. Nhà thầu chuẩn bị và nộp E-HSDT theo yêu cầu của E-TBMT.

2. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.

3. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được

sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.

4. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá là không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.

5. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.

(6) Đóng thầu

1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT. Đến thời điểm đóng thầu nêu trong E-TBMT, Hệ thống ngừng việc tiếp nhận E-HSDT

2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.

(7) Mở thầu

1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT;
- Tên gói thầu;
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng;

- Thời điểm hoàn thành mở thầu;

- Tổng số nhà thầu tham dự.

b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:

- Tên nhà thầu;

- Giá dự thầu;

- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);

- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá);

- Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu;

- Thời gian có hiệu lực của E-HSDT;

- Thời gian thực hiện gói thầu;

- Các thông tin liên quan khác (nếu có).

c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b mục này.

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HSDT

(8) Đánh giá E-HSDT

1. TCG áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL của E-HSMT để đánh giá E-HSDT.

2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại khoản 1 mục này, TCG chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 mục này cho phù hợp để đánh giá E-HSDT.

3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “giá đánh giá” và “giá thấp nhất”):

a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III của E-HSMT

- Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung:

- + Tư cách hợp lệ của nhà thầu;

- + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.

- Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu.

- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III của E-HSMT

- Hệ thống tự động đánh giá các nội dung: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hàng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSMT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSMT.

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự năng lực sản xuất hàng hóa: Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên webform và tài liệu đính kèm để đánh giá.

- Đối với nội dung về nhân sự chủ chốt, tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III của E-HSMT. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III của E-HSMT và thực hiện theo quy định tại E-BDL;

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, danh sách xếp hạng nhà thầu theo thứ tự từ thấp đến cao giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) tính trên mỗi đơn vị hạng mục hàng hóa mà nhà thầu dự thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định

tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, các nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu là tổ hợp các nhà thầu xếp hạng từ thấp đến cao đảm bảo tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu chào thầu không thấp hơn số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT.

4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất”, các nhà thầu, E-HSMT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất).

a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Tổ chuyên gia tiến hành đánh giá E-HSMT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất.

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.

đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.

Trường hợp E-HSMT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

5. Nguyên tắc đánh giá E-HSMT:

a) Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSMT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSMT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu

kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai trên webform và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự trên webform, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cập nhật từ hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự chủ chốt khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

đ) Đối với xuất xứ của hàng hóa, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT;

e) Đối với các nội dung ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên

webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;

g) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin trong biểu mẫu về ưu đãi hàng hóa sản xuất trong nước để làm cơ sở tính toán ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi;

h) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, kết quả hoạt động tài chính đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSMT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, kết quả hoạt động tài chính từ năm 2021 trở đi, chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.

(9) Đối chiếu tài liệu

1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSMT, bao gồm:

a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;

b) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;

c) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;

d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất);

đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;

e) Tài liệu khác (nếu có).

Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, các nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu là tổ hợp các nhà thầu xếp hạng từ thấp đến cao đảm bảo tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu chào thầu không thấp hơn số lượng hàng hóa nêu trong E-HSMT.

2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.

3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

(10) Lập báo cáo đánh giá E-HSDT

TCG lập báo cáo đánh giá HSDT³³ trong đó có các nội dung cơ bản như sau:

a) Kết quả đánh giá đối với từng hồ sơ dự thầu;

b) Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng;

c) Danh sách nhà thầu không đáp ứng yêu cầu và bị loại, lý do loại nhà thầu;

d) Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý;

đ) Những nội dung của hồ sơ mời thầu không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc nội dung có thể dẫn đến cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có); đề xuất biện pháp xử lý.

e) Đề xuất chủ đầu tư thực hiện thương thảo hợp đồng (nếu có) với nhà thầu xếp hạng thứ nhất. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng, chủ đầu tư mời nhà

³³ Theo Mẫu số 2A ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC

thầu xếp hạng thứ nhất thương thảo hợp đồng theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

CHƯƠNG IV. PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG KHAI KQLCNT

(11) Phê duyệt KQLCNT

1. Căn cứ báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, không phải thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Văn bản phê duyệt KQLCNT bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên nhà thầu trúng thầu;

b) Giá trúng thầu;

c) Loại hợp đồng;

d) Thời gian thực hiện gói thầu (*được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có), dịch vụ phi tư vấn, tư vấn. Thời gian thực hiện gói thầu được tính theo số ngày, số tuần, số tháng hoặc số năm, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, thời gian giám sát tác giả đối với gói thầu tư vấn (nếu có)*); thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định pháp luật về dân sự;

đ) Các nội dung cần lưu ý (nếu có);

3. Nếu hủy thầu theo quy định, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu. Quyết định hủy thầu phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

(12) Công khai KQLCNT và thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng

1. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm:

a) Tên nhà thầu trúng thầu;

b) Giá trúng thầu;

c) Loại hợp đồng;

d) Thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng.

đ) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

e) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

2. Trường hợp có yêu cầu giải thích về lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị tới chủ đầu tư hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.

CHƯƠNG V. HOÀN THIỆN, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

(13) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng

1. Chủ đầu tư mời nhà thầu trúng thầu đến hoàn thiện hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có). Việc hoàn thiện hợp đồng được thực hiện trên cơ sở:

- a) Mẫu hợp đồng đã điền đủ các thông tin cụ thể của gói thầu ³⁴
- b) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt;
- c) Các yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu;
- d) Các nội dung nêu trong hồ sơ dự thầu và giải thích làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- đ) Các nội dung cần được hoàn thiện trong hợp đồng;

2. Trong bước này, các bên cần rà soát lại phạm vi gói thầu cũng như những nội dung còn có sự khác biệt (nếu có) giữa yêu cầu trong HSMT và đề xuất của nhà thầu trong HSDT để thống nhất, bảo đảm việc thực hiện hợp đồng được thuận lợi.

3. Kết quả hoàn thiện hợp đồng là cơ sở để chủ đầu tư và nhà thầu tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp nhà thầu tự nguyện giảm giá thì giá hợp đồng là giá trị sau giảm giá.

4. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký hợp đồng thì không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu.

5. Nhà thầu được quyền từ chối hoàn thiện hợp đồng, không bị đánh giá về uy tín theo quy định và được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu (nếu có) trong trường hợp

³⁴ Theo mẫu tại phần 4 Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC

chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu khi hoàn thiện hợp đồng không phù hợp với nội dung của hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

6. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ mời thầu và các tài liệu liên quan khác.

(14) Quản lý thực hiện hợp đồng

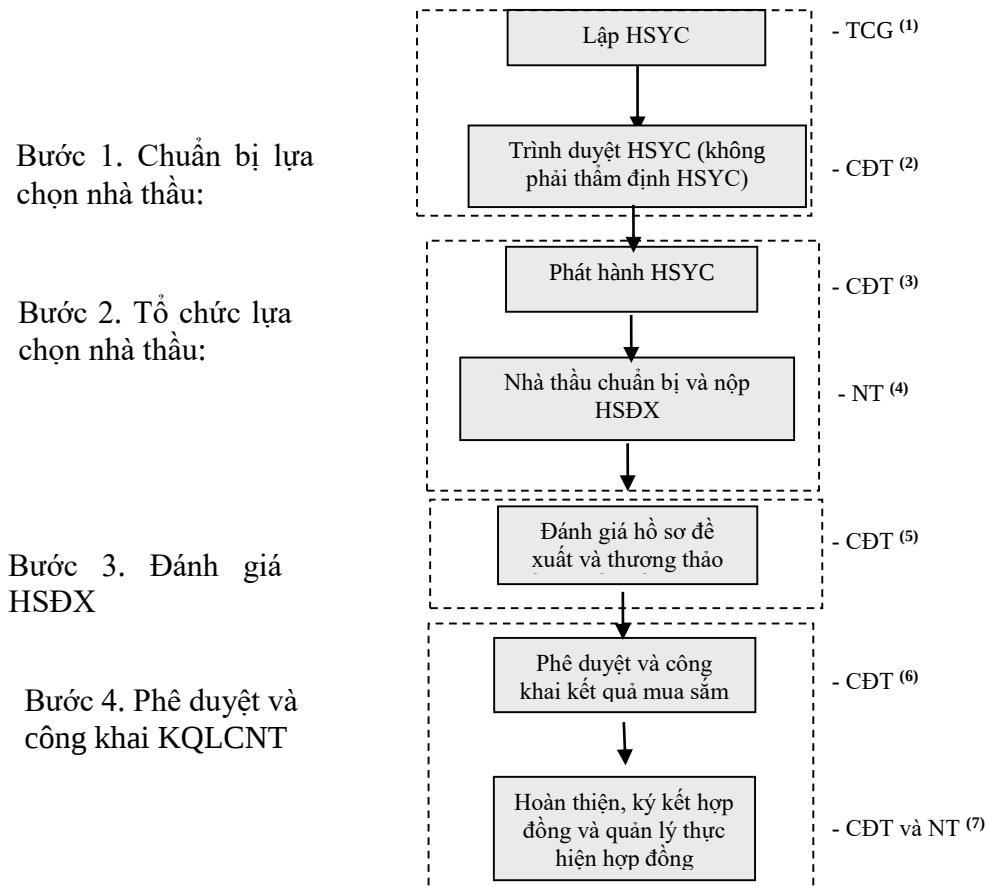
1. Quản lý thực hiện hợp đồng bao gồm các nội dung: tiến độ thực hiện, chất lượng, chi phí và các nội dung khác của hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý việc thực hiện hợp đồng.

2. Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm công khai về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với gói thầu có nội dung cung cấp hàng hóa, chủ đầu tư còn phải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp.

PHẦN 4. TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU ÁP DỤNG HÌNH THỨC MUA SẮM TRỰC TIẾP

SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT



CHƯƠNG I. CHUẨN BỊ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(1) Lập HSYC

1. TCG chịu trách nhiệm tổ chức lập HSYC

2. HSYC bao gồm các nội dung sau:

a) Thông tin tóm tắt về DA, DTMS, gói thầu:

Nêu thông tin tóm tắt về DA, DTMS, gói thầu như địa điểm thực hiện DA, quy mô của DA, yêu cầu về cung cấp hàng hóa thuộc gói thầu, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

b) Yêu cầu nhà thầu cập nhật thông tin về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm:

- Nguồn lực tài chính;
- Khả năng cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì, cung cấp phụ tùng hoặc các dịch vụ sau bán hàng khác:

- Nhân sự chủ chốt;

- Các yêu cầu khác (nếu có).

c) Yêu cầu về tiến độ cung cấp:

Yêu cầu về tiến độ cung cấp cần được TCG lập thành biểu, trong đó nêu rõ tên hàng hóa với số lượng yêu cầu, địa điểm và tiến độ cung cấp cụ thể. Hàng hóa có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau tùy theo yêu cầu của gói thầu.

d) Cam kết cung cấp hàng hóa bảo đảm kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của HSMT trước đó.

e) Yêu cầu về đơn giá của hàng hóa:

TCG điền đơn giá đối với từng loại hàng hóa. Đơn giá của các phần việc thuộc gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt đơn giá của các phần việc tương ứng thuộc gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó, đồng thời phù hợp với giá cả thị trường tại thời điểm thương thảo hợp đồng.

3. Trường hợp áp dụng mua sắm trực tiếp với nhà thầu khác theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Đấu thầu, hồ sơ yêu cầu bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật theo quy định tại Điều 26 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

(2) Trình duyệt HSYC

1. Sau khi hoàn thiện dự thảo HSYC, TCG trình CĐT phê duyệt. Việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu căn cứ vào tờ trình phê duyệt, không phải thẩm định

hồ sơ yêu cầu.

2. Trường hợp HSYC chưa đủ điều kiện để phê duyệt thì CĐT yêu cầu TCG chỉnh sửa, hoàn thiện HSYC trước khi phê duyệt.

CHƯƠNG II. TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(3) Phát hành HSYC

CĐT phát hành HSYC cho nhà thầu đã được lựa chọn trước đó. Trường hợp nhà thầu được lựa chọn trước đó không có khả năng tiếp tục thực hiện hoặc không đồng ý thực hiện gói thầu mua sắm trực tiếp thì chủ đầu tư lựa chọn theo thứ tự ưu tiên: nhà thầu có tên trong danh sách xếp hạng của gói thầu trước đó, nhà thầu khác nếu đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Đấu thầu

Ví dụ:

Hỏi: Đối với gói thầu áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp, trường hợp nhà thầu trước đó vẫn đủ khả năng thực hiện tiếp gói thầu nhưng CĐT muốn áp dụng mua sắm trực tiếp với nhà thầu khác thì có được không ?

Trả lời: Trường hợp nhà thầu thực hiện hợp đồng trước đó không có khả năng tiếp tục thực hiện gói thầu mua sắm trực tiếp thì được áp dụng mua sắm trực tiếp đối với nhà thầu khác nếu đáp ứng các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật và giá theo HSYC, kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó. Theo đó, trường hợp nhà thầu thực hiện hợp đồng trước đó vẫn đủ khả năng để thực hiện gói thầu thì CĐT không được phép dụng mua sắm trực tiếp với nhà thầu khác vì nhà thầu thực hiện hợp đồng trước đó là nhà thầu đã trúng thầu thông qua việc tham gia quá trình đấu thầu rộng rãi được đánh giá đáp ứng đầy đủ năng lực, kinh nghiệm, chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp cũng như sự tuân thủ các điều khoản hợp đồng của nhà thầu đã được kiểm chứng cụ thể. Nếu thay thế bằng nhà thầu khác thì không bảo đảm tính công bằng trong đấu thầu, chất lượng hàng hóa của nhà thầu thay thế chưa được kiểm chứng trong quá trình sử dụng mà chỉ được thể hiện thông qua cam kết bằng văn bản của nhà thầu.

(4) Nhà thầu chuẩn bị và nộp HSDX

1. CĐT tiếp nhận HSDX theo thời gian và địa chỉ ghi trong HSYC.

2. Khi tiếp nhận HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp, CĐT cần lập biên bản giao nhận HSDX, trong đó phải thể hiện rõ các nội dung như:

- Họ và tên của người nộp HSDX kèm theo giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền và giấy tờ tùy thân;

- Tên, địa chỉ của nhà thầu tham dự thầu;
- Tên gói thầu ghi trên túi đựng HSDX;
- Thời gian nộp HSDX;
- Tình trạng niêm phong của HSDX ;
- Các thông tin cần thiết khác.

3. Việc nhà thầu không niêm phong HSDX hoặc không để HSDX trong túi kín (thùng kín) không phải là lý do loại bỏ hoặc không tiếp nhận HSDX của nhà thầu.

4. CĐT cần lưu ý tránh quy định thời điểm đóng thầu trùng hoặc sát với giờ bắt đầu làm việc hành chính để tạo điều kiện cho nhà thầu nộp HSDX.

CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HSDX

(5) Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Đánh giá hồ sơ đề xuất, gồm: kiểm tra các nội dung về kỹ thuật và đơn giá; cập nhật thông tin về năng lực của nhà thầu; trường hợp áp dụng mua sắm trực tiếp với NT khác nhà thầu trúng thầu trước đó thì TCG phải đánh giá về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của NT đó theo quy định tại Điều 32 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ; đánh giá tiến độ thực hiện, biện pháp cung cấp hàng hóa, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu; các nội dung khác (nếu có);

2. Trong quá trình đánh giá, CĐT mời NT đến thương thảo, làm rõ các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất nhằm chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, tiến độ, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu.

Trường hợp tại thời điểm áp dụng mua sắm trực tiếp có sự thay đổi quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng thì đơn giá hàng hóa (bao gồm thuế giá trị gia tăng) của gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt giá trị trước thuế của hàng hóa trong hợp đồng đã ký cộng với thuế giá trị gia tăng tại thời điểm áp dụng mua sắm trực tiếp;

3. NT được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng quy định tại Điều 61 của Luật Đấu thầu và có cùng hãng sản xuất, xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn hiệu với hàng hóa trúng thầu trước đó. Trường hợp hàng hóa có phiên bản sản xuất, năm sản xuất mới so với hàng hóa ghi trong hợp đồng thì xử lý tình huống theo quy định tại khoản 27 Điều 140 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ.

CHƯƠNG IV. PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG KHAI KQLCNT

(6) Phê duyệt và công khai kết quả mua sắm trực tiếp

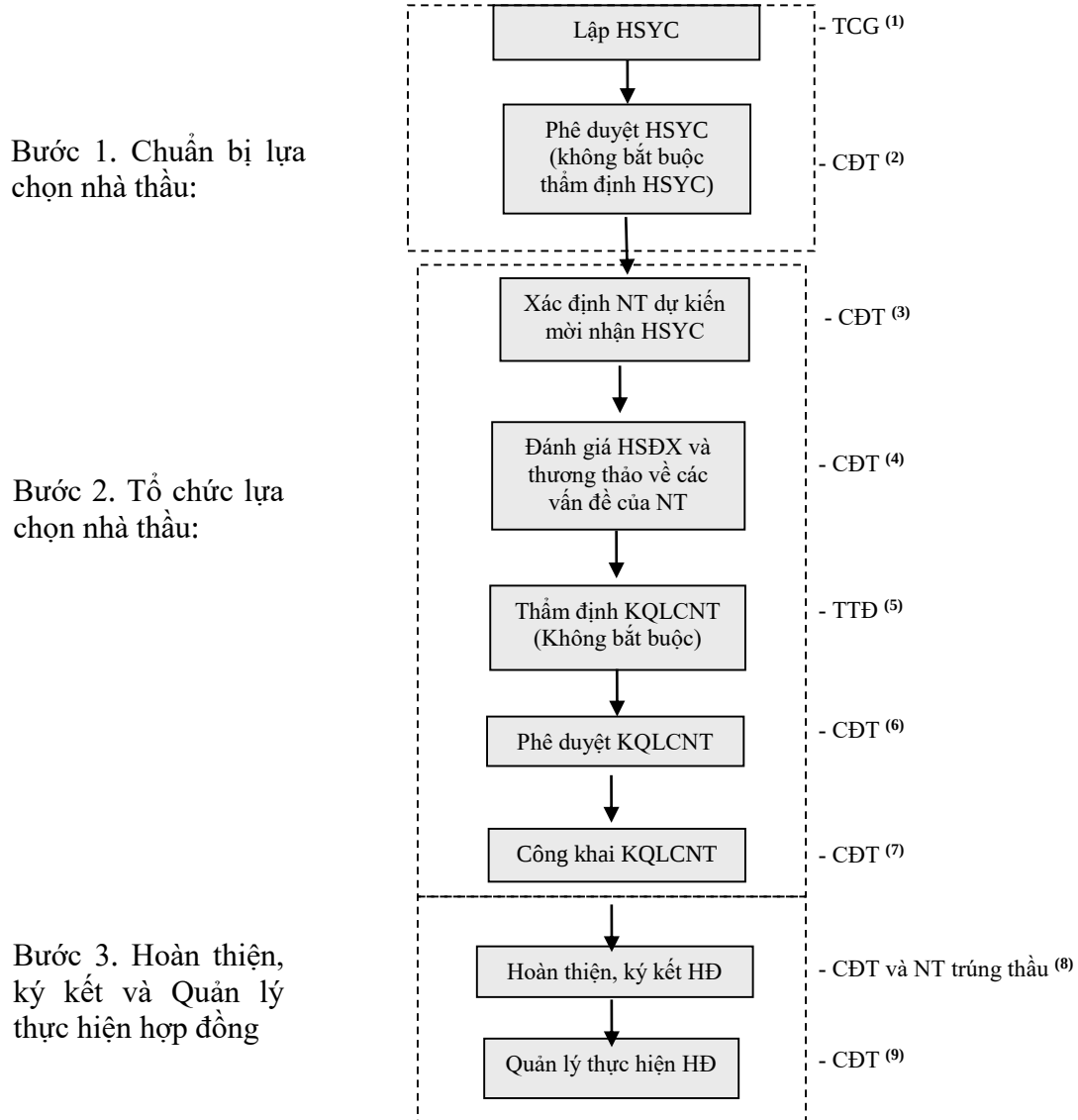
Việc phê duyệt và công khai kết quả mua sắm trực tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ, không phải thẩm định kết quả mua sắm trực tiếp.

(7) Hoàn thiện, ký kết hợp đồng và quản lý thực hiện hợp đồng

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ.

**PHẦN 5. TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU
ÁP DỤNG HÌNH THỨC CHỈ ĐỊNH THẦU, QUY TRÌNH
CHỈ ĐỊNH THẦU THÔNG THƯỜNG**

SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT



CHƯƠNG I. CHUẨN BỊ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(1) Lập HSYC

1. TCG chịu trách nhiệm tổ chức lập HSYC;
2. Việc lập HSYC phải căn cứ các cơ sở pháp lý quy định tại Khoản 2 Điều 79 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, bao gồm:
 - a) Kế hoạch bố trí vốn để thực hiện gói thầu, trừ trường hợp đấu thầu trước;
 - b) KHLCNT được duyệt;
 - c) Dự toán gói thầu được phê duyệt đối với trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định về việc lập dự toán;
 - d) Các quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật liên quan; điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế (nếu có) đối với các DA sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi;
 - đ) Các chính sách của Nhà nước về thuế, phí trong lựa chọn nhà thầu và các quy định khác liên quan.
3. Lưu ý một số nội dung sau:
 - 3.1. Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về DA, DTMS, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có); tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về hợp đồng. Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại điểm này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu.
 - 3.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật đối với gói thầu mua sắm hàng hóa được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt. Hồ sơ yêu cầu được nêu ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có).
 - 3.3. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, chủ đầu tư quy định trong hồ sơ yêu cầu mức tỷ lệ tiết kiệm của giá đề nghị trúng thầu để làm cơ sở cho nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất.
4. Các nội dung cụ thể của HSYC:
 - a) Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu:³⁵
 - b) Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX:³⁶

³⁵ Sử dụng Chương I Mẫu số 1B ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC.

³⁶ Xây dựng theo hướng dẫn tại Chương II của Mẫu số 1B ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC và cụ thể hóa một số nội dung cho phù hợp với quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể của mỗi gói thầu. Khi xây dựng tiêu chuẩn đánh giá HSĐX, sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và đánh giá về kỹ thuật.

Gồm các nội dung:

- Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ³⁷;
- Về tiêu chuẩn đánh giá năng lực, kinh nghiệm³⁸, lưu ý một số nội dung sau:

+ Đối với yêu cầu nguồn lực tài chính cho gói thầu: thông thường chỉ đưa yêu cầu này đối với những hàng hoá đặc thù, phức tạp, quy mô lớn, có thời gian sản xuất, chế tạo dài. Trường hợp đưa ra yêu cầu này, nếu trong HSDX nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại Mục này trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu và không phải nộp các tài liệu khác chứng minh khả năng tài chính để thực hiện gói thầu;

+ Đối với yêu cầu về khả năng cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì, cung cấp phụ tùng hoặc các dịch vụ sau bán hàng khác: Chỉ yêu cầu nội dung này đối với hàng hóa phức tạp gắn liền với trách nhiệm thực hiện dịch vụ sau bán hàng của chính nhà cung cấp. Đối với các hàng hóa thông thường thì chỉ cần yêu cầu cung cấp phiếu bảo hành hợp lệ.

- Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật³⁹.

Ví dụ: Một số yêu cầu không cần thiết trong quá trình lập HSYC:

- *Yêu cầu nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa thông dụng cho một địa phương, một ngành cụ thể (đã thực hiện cung cấp máy tính để bàn cho các trường PTTH trên địa bàn tỉnh X);*
- *Yêu cầu nhân sự chủ chốt phải công tác và đóng bảo hiểm xã hội của nhà thầu tối thiểu 05 năm liên tục;*
- *Yêu cầu nhà thầu phải nộp giấy phép bán hàng đối với hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường.*

c) Chương III. Biểu Mẫu:

- Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSDX.

- Khi lập HSYC, TCG cần lưu ý điền đầy đủ các thông tin như tên, địa chỉ CĐT.

d) Chương IV. Yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa

Chương này cung cấp các thông tin bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ

³⁷ Lập theo quy định tại Mục 1 Chương II Mẫu số 1B ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC

³⁸ Lập theo quy định tại Mục 2 Chương II Mẫu số 1B ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC

³⁹ Lập theo định tại Mục 3 Chương II Mẫu số 1B ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC

giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập HSDX.

đ) Chương V. Điều kiện chung, Chương VI. Điều kiện cụ thể, Chương VII. Biểu mẫu hợp đồng.

Căn cứ quy mô, tính chất, loại hợp đồng của gói thầu, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia sử dụng các Chương VI, VII, VIII của Mẫu E-HSMT mua sắm hàng hóa một giai đoạn một túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC để xây dựng các Chương V. Điều kiện chung, Chương VI. Điều kiện cụ thể, Chương VII. Biểu mẫu hợp đồng cho phù hợp.

4. Trường hợp cần chỉnh sửa nội dung trong Mẫu hồ sơ yêu cầu theo quy định thì tổ chức, cá nhân thực hiện việc lập, thẩm định (nếu có), phê duyệt hồ sơ yêu cầu phải bảo đảm việc chỉnh sửa là phù hợp với yêu cầu gói thầu và không trái quy định của [Luật Đấu thầu](#), Nghị định số [214/2025/NĐ-CP](#). Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ yêu cầu phải nêu rõ các nội dung chỉnh sửa so với quy định trong Mẫu hồ sơ yêu cầu và lý do chỉnh sửa để chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư phải bảo đảm nhà thầu được lựa chọn có năng lực, kinh nghiệm, giải pháp kỹ thuật để thực hiện gói thầu theo tiến độ, chất lượng và các yêu cầu khác quy định trong hồ sơ yêu cầu.

(2) Phê duyệt HSYC

1. Sau khi hoàn thiện dự thảo HSYC, TCG trình CĐT phê duyệt HSYC. CĐT không bắt buộc thẩm định hồ sơ yêu cầu.

2. Trường hợp có yêu cầu thẩm định, TTĐ tiến hành kiểm tra, đánh giá và đưa ra ý kiến nhận xét đối với các nội dung sau:

2.1 Kiểm tra các tài liệu là căn cứ để lập HSMT;

2.2 Kiểm tra sự phù hợp về nội dung của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu so với quy mô, mục tiêu, phạm vi công việc, thời gian thực hiện của DA, DTMS, gói thầu; so với hồ sơ thiết kế, dự toán của gói thầu, yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (nếu có); so với biên bản trao đổi giữa chủ đầu tư với các nhà thầu tham dự thầu trong giai đoạn một (đối với gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn); so với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.

2.3 Nội dung chỉnh sửa trong dự thảo HSMT so với hướng dẫn trong Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC (nếu có) có phù hợp, khoa học, chặt chẽ hơn so với hướng dẫn nêu trong Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC hoặc có trái với quy định của pháp luật về đấu thầu hay không.

2.4 Xem xét về những ý kiến khác nhau (nếu có) giữa tổ chức, cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu.

2.5 Nội dung khác nếu có.

3. Cá nhân tham gia thẩm định HSMT phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định; cá nhân tham gia thẩm định HSMT phải cam kết bảo đảm thực hiện việc thẩm định trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên và chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 81 Luật đấu thầu.

4. Lập báo cáo thẩm định:

Việc lập báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu báo cáo thẩm định ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC cho phù hợp.

5. Trước khi ký báo cáo thẩm định, TTĐ có thể tổ chức họp giữa các bên để giải quyết các vấn đề còn tồn tại nếu thấy cần thiết.

6. Trường hợp HSYC chưa đủ điều kiện để phê duyệt như: không đầy đủ nội dung theo hướng dẫn tại Mẫu số 1B ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC, tiêu chuẩn đánh giá không phù hợp với quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu dẫn đến làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu, các nội dung chỉnh sửa HSYC không phù hợp, khoa học, chặt chẽ hơn so với hướng dẫn nêu trong Mẫu số 1B ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC thì CĐT yêu cầu TCG chỉnh sửa, hoàn thiện HSMT trước khi phê duyệt.

CHƯƠNG II. TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(3) Xác định nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu

1. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư xác định một nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu; không phải đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi xác định nhà thầu này.

2. Nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

3. Hồ sơ yêu cầu được phát hành cho nhà thầu dự kiến chỉ định.

(4) Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất căn cứ hồ sơ yêu cầu. Việc đánh giá hồ sơ đề xuất được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định của hồ sơ yêu cầu và thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu;

2. Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: có hồ sơ đề xuất hợp lệ; có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

(5) Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Trên cơ sở kết quả thương thảo và báo cáo đánh giá HSDX, CĐT lập hồ sơ trình gửi CĐT phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Chủ đầu tư không bắt buộc phải thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, tổ thẩm định thực hiện thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được chủ đầu tư phê duyệt.

3. Hồ sơ trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm:

- Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có).
- Biên bản đối chiếu tài liệu (nếu có).

- Bản chụp các hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, biên bản mở thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của các nhà thầu và các tài liệu khác có liên quan; trường hợp đã tiến hành thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì chỉ gửi biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính và bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính của các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

4. TTĐ tiến hành kiểm tra, đánh giá và đưa ra ý kiến nhận xét đối với các nội dung sau:

- Kiểm tra các tài liệu là căn cứ của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu.
- Kiểm tra việc tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu.
- Kiểm tra việc đánh giá hồ sơ dự thầu; việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có); kiểm tra sự phù hợp giữa kết quả thương thảo hợp đồng so với kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có),

danh sách xếp hạng nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu

- Xem xét về những ý kiến khác nhau (nếu có) giữa các cá nhân trong tổ chuyên gia.

- Các nội dung liên quan khác.

5. Lập báo cáo thẩm định⁴⁰

6. Trước khi ký báo cáo thẩm định, TTĐ có thể tổ chức họp giữa các bên để giải quyết các vấn đề còn tồn tại nếu thấy cần thiết.

(6) Phê duyệt KQLCNT

1. Căn cứ báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có), chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Văn bản phê duyệt KQLCNT bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên nhà thầu trúng thầu;

b) Giá trúng thầu;

c) Loại hợp đồng;

d) Thời gian thực hiện gói thầu (*được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có), dịch vụ phi tư vấn, tư vấn. Thời gian thực hiện gói thầu được tính theo số ngày, số tuần, số tháng hoặc số năm, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, thời gian giám sát tác giả đối với gói thầu tư vấn (nếu có)*); thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định pháp luật về dân sự;

đ) Các nội dung cần lưu ý (nếu có);

3. Nếu hủy thầu theo quy định, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu. Quyết định hủy thầu phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định.

(7) Công khai KQLCNT

1. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm:

⁴⁰ Báo cáo thẩm định lập theo Mẫu số 3C ban hành kèm theo Thông tư số 80/2025/TT-BTC.

a) Tên nhà thầu trúng thầu;

b) Giá trúng thầu;

c) Loại hợp đồng;

d) Thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng.

đ) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

e) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

2. Trường hợp có yêu cầu giải thích về lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị tới chủ đầu tư hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.

CHƯƠNG III. HOÀN THIỆN, KÝ KẾT VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

(8) Hoàn thiện, ký kết Hợp đồng:

1. Chủ đầu tư mời nhà thầu trúng thầu đến hoàn thiện hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có). Việc hoàn thiện hợp đồng được thực hiện trên cơ sở:

a) Mẫu hợp đồng đã điền đủ các thông tin cụ thể của gói thầu;

b) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt;

c) Các yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu;

d) Các nội dung nêu trong hồ sơ dự thầu và giải thích làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

đ) Các nội dung cần được hoàn thiện trong hợp đồng;

2. Trong bước này, các bên cần rà soát lại phạm vi gói thầu cũng như những nội dung còn có sự khác biệt (nếu có) giữa yêu cầu trong HSMT và đề xuất của nhà thầu trong HSDT để thống nhất, bảo đảm việc thực hiện hợp đồng được thuận lợi.

3. Kết quả hoàn thiện hợp đồng là cơ sở để chủ đầu tư và nhà thầu tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp nhà thầu tự nguyện giảm giá thì giá hợp đồng là giá trị sau giảm giá.

4. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện hoặc từ chối hoàn

thiện hợp đồng hoặc không ký hợp đồng thì không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu.

5. Nhà thầu được quyền từ chối hoàn thiện hợp đồng, không bị đánh giá về uy tín theo quy định và được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu (nếu có) trong trường hợp chủ đầu tư đưa ra các yêu cầu khi hoàn thiện hợp đồng không phù hợp với nội dung của hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

(9) Quản lý thực hiện hợp đồng

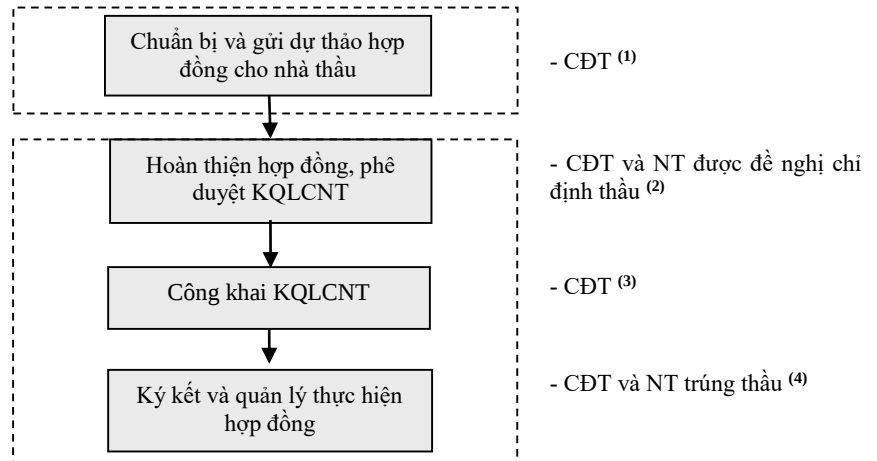
1. Quản lý thực hiện hợp đồng bao gồm các nội dung: tiến độ thực hiện, chất lượng, chi phí và các nội dung khác của hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý việc thực hiện hợp đồng.

2. Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm công khai về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với gói thầu có nội dung cung cấp hàng hóa, chủ đầu tư còn phải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp.

**PHẦN 6. TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU ÁP
DỤNG HÌNH THỨC CHỈ ĐỊNH THẦU, QUY TRÌNH
CHỈ ĐỊNH THẦU RÚT GỌN**

SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT



(1) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu

1. CĐT căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được CĐT dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu; đối với gói thầu cần đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, CĐT gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác.

2. Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

(2) Hoàn thiện hợp đồng, phê duyệt KQLCNT

Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, CĐT và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, CĐT và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế.

(3) Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, CĐT đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu bao gồm:

- a) Tên nhà thầu trúng thầu;
- b) Giá trúng thầu;
- c) Loại hợp đồng;
- d) Thời gian thực hiện gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng.

đ) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

e) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

2. Trường hợp có yêu cầu giải thích về lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị tới chủ đầu tư hoặc gặp trực tiếp chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.

(4) Ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng

1. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và các tài liệu liên quan khác

2. Quản lý thực hiện hợp đồng bao gồm các nội dung: tiến độ thực hiện, chất lượng, chi phí và các nội dung khác của hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý việc thực hiện hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm công khai về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với gói thầu có nội dung cung cấp hàng hóa, chủ đầu tư còn phải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp.